

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Địa lý

Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			26	304	86		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
Học phần tự chọn			10	135	15		
13	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
14	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
15	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			21	210	105		
16	31321984	Vật lí thiên văn	2	22	8		
17	31931022	Bản đồ học đại cương	3	30	15		
18	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32041719	
19	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
20	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
21	31824641	Địa chất đại cương	2	22	8		
22	31828052	Kinh tế học đại cương	2	22	8		
Học phần tự chọn			4	37	23		
23	31921092	Cơ sở viễn thám	2	15	15		
24	31828073	Dân số và phát triển	2	22	8		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			68	566	604		
25	31941184	Địa lí tự nhiên các lục địa	4	45	15	31931050*	
26	31828063	Địa lí ứng dụng	2	15	15		
27	31828062	Thống kê ứng dụng trong địa lí học	2	20	10	31838054	
28	31838061	Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam	3	30	15	31838060	
29	31838060	Địa lí dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam	3	30	15	31838056*	
30	31848059	Địa lí kinh tế - xã hội các khu vực và quốc gia trên thế giới	4	40	20	31828058	
31	31828058	Địa lí các vấn đề kinh tế - xã hội thế giới	2	22	8	31838053	
32	31838057	Địa lí các miền tự nhiên Việt Nam	3	30	15	31838056	
33	31838056	Địa lí tự nhiên Việt Nam đại cương	3	30	15	31931050*	
34	31828055	Môi trường và phát triển bền vững	2	20	10		
35	31838054	Địa lí kinh tế đại cương	3	30	15	31838053	
36	31838053	Địa lí dân cư - xã hội đại cương	3	30	15		
37	31931090	Hệ thống thông tin Địa lí	3	15	30		
38	31931053	Thổ nhưỡng - Sinh quyển - Lớp vỏ cảnh quan	3	30	15	31931050	
39	31931052	Khí quyển - Thủy quyển	3	30	15	31931050	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
40	31931050	Trái đất - Thạch quyển	3	30	15		
41	31921777	Thực địa địa lí tự nhiên	2	0	60	31931053	
42	31921776	Thực địa địa lí kinh tế - xã hội	2	0	60	31838060	
Học phần tự chọn			18	119	241		
43	31921084	Địa lí địa phương	2	20	10		
44	31961079	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		
45	31921020	Bản đồ giáo khoa	2	15	15	31931022	
46	31921171	Địa lí biển Đông	2	22	8		
47	31828064	Địa lí du lịch	2	22	8		
48	31828065	Làng nghề Việt Nam	2	20	10		
49	31828070	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	2	20	10	31931052	
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			36	237	483		
50	31921926	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí	2	15	15	31848066	
51	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	32031719	
52	31838067	Phát triển chương trình Địa lí ở trường phổ thông	3	25	20	31848066	
53	31931043	Đánh giá trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3	25	20	31848066	
54	31931044	Thực hành dạy học Địa lí	3	0	45	31848066	
55	31921077	Kiểm tập sư phạm	2	0	60	31848066	
56	31941078	Thực tập sư phạm	4	0	120	31921077	
57	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20	32031255	
58	31848066	Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông	4	35	25	32031255	
59	31828068	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	0	30	31848066	
Học phần tự chọn			8	77	43		
60	31621006	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	2	15	15		
61	31921045	Dạy học Địa lí theo mô hình lớp học đảo ngược	2	15	15	31848066	
62	31921046	Dạy học tích hợp trong môn Địa lí	2	20	10	31848066	
63	31828069	Dạy học Địa lí theo định hướng giáo dục STEAM	2	20	10	31848066	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO			151	1317	1278		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			111	949	956		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			19				

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khoá học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG NGÀNH

Nguyễn Văn Hải

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Đức Tuấn

**TS. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Phan Đức Tuấn

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Sư phạm Địa lý

Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiến quyết / song ngành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31321984	Vật lý thiên văn	2	22	8		
	31824641	Địa chất đại cương	2	22	8		
	31931022	Bản đồ học đại cương	3	30	15		
	31931050	Trái đất - Thạch quyển	3	30	15		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
		Số tín chỉ trong kỳ	13	136	59		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31828052	Kinh tế học đại cương	2	22	8		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	31931052	Khí quyển - Thủy quyển	3	30	15	31931050	
	32031255	Giáo dục học	3	30	15	32041719	
		Số tín chỉ trong kỳ	14	142	68		
3	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31838053	Địa lý dân cư - xã hội đại cương	3	30	15		
	31931053	Thổ nhưỡng - Sinh quyển - Lớp vỏ cảnh quan	3	30	15	31931050	
		Học phần tự chọn					
	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
	31921092	Cơ sở viễn thám	2	15	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	13	127	68		
4	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31838054	Địa lý kinh tế đại cương	3	30	15	31838053	
	31941184	Địa lý tự nhiên các lục địa	4	45	15	31931050*	
		Học phần tự chọn					
	31621006	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	2	15	15		
	31828073	Dân số và phát triển	2	22	8		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	163	62		
5	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31838056	Địa lý tự nhiên Việt Nam đại cương	3	30	15	31931050*	
	31931090	Hệ thống thông tin Địa lý	3	15	30		
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	31921171	Địa lý biển Đông	2	22	8		
	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	148	77		
6	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31838057	Địa lý các miền tự nhiên Việt Nam	3	30	15	31838056	
	31921777	Thực địa địa lý tự nhiên	2	0	60	31931053	
	32021273	Giao tiếp sư phạm	2	15	15	32031719	
		Học phần tự chọn					
	31828070	Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai	2	20	10	31931052	
	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	147	108		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiến quyết / song ngành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
7	31828055	Môi trường và phát triển bền vững	2	20	10		
	31828058	Địa lí các vấn đề kinh tế - xã hội thế giới	2	22	8	31838053	
	31828062	Thống kê ứng dụng trong địa lí học	2	20	10	31838054	
	31848066	Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí ở trường phổ thông	4	35	25	32031255	
		Học phần tự chọn					
	31828064	Địa lí du lịch	2	22	8		
	31921020	Bản đồ giáo khoa	2	15	15	31931022	
		Số tín chỉ trong kỳ	14	134	136		
8	31828063	Địa lí ứng dụng	2	15	15		
	31838060	Địa lí dân cư và các ngành kinh tế Việt Nam	3	30	15	31838056*	
	31848059	Địa lí kinh tế - xã hội các khu vực và quốc gia trên thế giới	4	40	20	31828058	
	31931043	Đánh giá trong dạy học Địa lí ở trường phổ thông	3	25	20	31848066	
		Học phần tự chọn					
	31828069	Dạy học Địa lí theo định hướng giáo dục STEAM	2	20	10	31848066	
	31921084	Địa lí địa phương	2	20	10		
		Số tín chỉ trong kỳ	16	150	90		
9	31828068	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm	2	0	30	31848066	
	31838061	Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam	3	30	15	31838060	
	31921776	Thực địa địa lí kinh tế - xã hội	2	0	60	31838060	
	31921926	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học địa lí	2	15	15	31848066	
	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	25	20	32031255	
		Học phần tự chọn					
	31828065	Làng nghề Việt Nam	2	20	10		
	31921045	Dạy học Địa lí theo mô hình lớp học đảo ngược	2	15	15	31848066	
		Số tín chỉ trong kỳ	16	105	195		
10	31838067	Phát triển chương trình Địa lí ở trường phổ thông	3	25	20	31848066	
	31921077	Kiến tập sư phạm	2	0	60	31848066	
	31931044	Thực hành dạy học Địa lí	3	0	45	31848066	
		Học phần tự chọn					
	31921046	Dạy học tích hợp trong môn Địa lí	2	20	10	31848066	
		Số tín chỉ trong kỳ	10	65	115		
11	31941078	Thực tập sư phạm	4	0	120	31921077	
		Học phần tự chọn					
	31961079	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	10	0	300		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là học phần có dấu *.

TRƯỜNG NGÀNH

TRƯỜNG KHOA

**HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Thái

Nguyễn Đức Phụng



TS. Phan Đức Tuấn